

THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ
VIET NAM E-VISA APPLICATION FORM

Hướng dẫn khai:

Instruction:

- Người đề nghị cấp thị thực điện tử phải khai, trả lời đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin có thật bằng tiếng Anh đối với các câu hỏi trong mẫu này.

The applicant must declare sufficiently, accurately and honestly all true information in English.

- Với các câu hỏi có nhiều lựa chọn, người đề nghị cấp thị thực điện tử cần đánh dấu ✓ vào các ô ☐ có nội dung phù hợp.

With multiple choices questions, the applicant is required to tick on all the appropriate answers.

- Trường hợp người đề nghị cấp thị thực điện tử lựa chọn câu trả lời là “khác” thì phải khai nội dung cụ thể.

In case choosing “Others” answers, the applicant must declare specific information.

- Trường hợp Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Việt Nam phát hiện người nước ngoài khai không đúng sự thật, sẽ từ chối cấp thị thực điện tử.

e-Visa application will be denied if there is any dishonest information in the application found by Viet Nam Immigration Authority.

- Thị thực điện tử cấp cho người nước ngoài đang ở nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam (không cấp cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam).

e-Visa is issued for foreigners who are currently abroad, wishing to enter into Viet Nam (not to foreigners who are currently temporary resident in Viet Nam).

- Thị thực điện tử chỉ sử dụng để nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu thuộc danh sách được Chính phủ Việt Nam cho phép (danh sách các cửa khẩu¹).

e-Visa only used for entry and exit through border gates listed by the Vietnamese Government (the list of border gates).

- Người nước ngoài thuộc diện quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8² của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam không làm thủ tục đề nghị cấp thị thực điện tử mà thông qua cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao.

Foreigners described in Clauses 1, 2, 3 and 4, Article 8 of the Law on foreigners’ entry into, exit from, transit through and residence in Viet Nam, shall not apply in person for e-Visa. They must send visa applications via the inviting or sponsoring agencies/organizations to the competent agency of the Ministry of Foreign Affairs.

1. THÔNG TIN CÁ NHÂN
PERSONAL INFORMATION

Ảnh trang nhân thân hộ chiếu <i>Passport data page image</i>	1.1. Họ tên (như trên dòng ICAO tại hộ chiếu; viết in hoa): <i>Full name (as in passport data page ICAO lines; in capital letters)</i>	
	Họ: <i>Surname</i>	Chữ đệm và tên: <i>Given name</i>
	1.2. Giới tính:	1.3. Ngày tháng năm sinh:

¹Đường dẫn đến danh sách các cửa khẩu quốc tế tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.

²Đường dẫn đến quy định của khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

	<i>Sex</i> Nam ☐ <i>Male</i> Nữ ☐ <i>Female</i>	<i>Date of birth (dd/mm/yyyy)</i>
Ảnh người đề nghị cấp thị thực điện tử (ảnh mới chụp, kích cỡ ảnh 4cm x 6cm, định dạng jpg, jpeg, kích thước ≤ 2 MB, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng) <i>Portrait of applicant (recent photo, size 4cm x 6cm, jpg/jpeg format, file size ≤ 2 MB, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes, white background)</i>	1.4. Quốc tịch: (1) <i>Nationality</i>	1.5. Nơi sinh: <i>Place of birth</i>
	1.6. Số CMND/CCCD/ID: <i>ID Card number</i>	1.7. Tôn giáo: <i>Religion</i>

1.8. Người đề nghị cấp thị thực điện tử đã từng sử dụng hộ chiếu khác để nhập cảnh Việt Nam hay không?

Have you ever used any other passports to enter Viet Nam?

Có ☐ Không ☐

Yes No

Nếu “Có” hãy khai cụ thể:

If “Yes”, please specify

STT <i>No.</i>	Số hộ chiếu <i>Passport No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>

1.9. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có mang nhiều quốc tịch hay không?

Do you have multiple nationalities?

Không ☐ Có ☐

No Yes

Nếu “Có” hãy khai các quốc tịch cụ thể:.....

If “Yes”, please specify the nationalities

1.10. Thông tin vi phạm pháp luật Việt Nam (nếu có):

Violation of the Vietnamese laws/regulations (if any)

Hành vi vi phạm <i>Act of violation</i>	Thời gian vi phạm <i>Time of violation</i>	Hình thức xử phạt <i>Form of sanction</i>	Cơ quan ra quyết định xử phạt <i>Authority imposed sanction</i>

Lưu ý: Nếu bạn đã từng vi phạm pháp luật Việt Nam trong lần nhập cảnh trước thì bạn có thể bị từ chối cấp thị thực điện tử.

Note: *If you violated Vietnamese laws/regulations in your previous entry, your e-Visa application may be denied.*

2. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ

E-VISA REQUEST INFORMATION

2.1. Giá trị thị thực điện tử: <i>To issue e-Visa for</i> Một lần ☐ Nhiều lần ☐ <i>Single - entry Multiple - entry</i>	2.2. Thời gian nhập cảnh: <i>e-Visa duration:</i> Cấp thị thực điện tử nhập cảnh từ ngày: / / đến ngày: / / <i>e-Visa valid from (dd/mm/yyyy): to (dd/mm/yyyy):</i>
---	---

3. THÔNG TIN HỘ CHIẾU PASSPORT INFORMATION

3.1. Loại hộ chiếu: <i>Passport type</i> Ngoại giao ☐ Công vụ ☐ Phổ thông ☐ Khác ☐ <i>Diplomatic Official Ordinary Others</i> Nếu “Khác” hãy khai cụ thể:..... <i>If “Others”, please specify</i>		
3.2. Số hộ chiếu: <i>Passport number</i>	3.3. Cơ quan cấp/Nơi cấp: <i>Issuing Authority/Place of issue</i>	
3.4. Ngày cấp: <i>Date of issue (dd/mm/yyyy)</i>	3.5. Ngày hết hạn: <i>Expiry date (dd/mm/yyyy)</i>	
3.6. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có sử dụng hộ chiếu còn giá trị sử dụng khác không? <i>Do you hold any other valid passports?</i> Không ☐ Có ☐ <i>No Yes</i> Nếu có hãy khai cụ thể:..... <i>If “Yes”, please specify</i> Loại hộ chiếu: <i>Passport type</i> Ngoại giao ☐ Công vụ ☐ Phổ thông ☐ Khác ☐ <i>Diplomatic Official Ordinary Others</i> Nếu “Khác” hãy khai cụ thể:..... <i>If “Others”, please specify</i> Số hộ chiếu: <i>Passport number</i> Ngày cấp:..... Cơ quan cấp/Nơi cấp:..... Ngày hết hạn:..... <i>Date of issue (dd/mm/yyyy) Issuing Authority/Place of issue Expiry date (dd/mm/yyyy)</i>		

4. THÔNG TIN LIÊN LẠC CONTACT INFORMATION

4.1. Địa chỉ liên lạc:..... <i>Contact address</i>	
4.2. Nơi ở hiện nay (khai trong trường hợp địa chỉ liên lạc trong nước khác với nơi ở hiện nay): <i>Current residential address (if contact address is different from current residential address)</i>	
4.3. Số điện thoại di động hoặc số điện thoại bàn: <i>Mobile phone number or landline phone number</i>	4.4. Địa chỉ Email:..... <i>Email address</i>
4.5. Liên lạc khẩn cấp: <i>Emergency contact</i> a) Họ và tên: b) Nơi ở hiện nay: <i>Full name Current residential address</i>	

c) Số điện thoại:
Telephone number

d) Quan hệ:
Relationship

5. NGHỀ NGHIỆP OCCUPATION

5.1. Nghề nghiệp hiện tại:
Current occupation

Doanh nhân Businessman	☐	Học sinh Student	☐	Nhân viên Employee	☐
Công chức Official	☐	Khác Others	☐	Đã nghỉ hưu Retired	☐
Thất nghiệp Unemployed	☐				

5.2. Thông tin nghề nghiệp:
Occupation information

a) Tên công ty/cơ quan/trường học:
Name of Company/Agency/School

b) Chức vụ/khóa học:
Position/Course of study:

c) Địa chỉ công ty/cơ quan/trường học:
Address of Company/Agency/School

d) Số điện thoại công ty/cơ quan/trường học:
Telephone number of Company/Agency/School

6. THÔNG TIN VỀ CHUYẾN ĐI INFORMATION ABOUT THE TRIP

6.1. Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry

Du lịch Tourist	☐	Thăm thân Visiting relatives	☐	Công tác/làm việc Working	☐
Thương mại Business	☐	Khác Others	☐		

Nếu “Khác” hãy khai cụ thể:
If “Others”, please specify

Lưu ý:

- Theo quy định của pháp luật Việt Nam, người nước ngoài vào đầu tư phải có giấy tờ chứng minh việc đầu tư tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư; người nước ngoài hành nghề luật sư tại Việt Nam phải có giấy phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư; người nước ngoài vào lao động phải có giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; người nước ngoài vào học tập phải có văn bản tiếp nhận của nhà trường hoặc cơ sở giáo dục của Việt Nam; người vào hoạt động tôn giáo, báo chí, y tế, giáo dục phải được phép của cơ quan có thẩm quyền.
- Người đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam được kết hợp du lịch, thăm người thân, chữa bệnh không phải xin phép.
- Người nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải phù hợp với mục đích nhập cảnh.

Note:

- According to the provisions of Vietnamese law, foreigners who are investors must have

papers proving their investment in Viet Nam in accordance with the provisions of the Law on Investment; foreigners who work as lawyers in Viet Nam must have a license to practice law in accordance with the Law on Lawyers; foreigners who enter into Viet Nam to work must have a work permit or a certificate certifying that they are the person who are not required to have a work permit under the provisions of the Labor Code; foreigners who enter into Viet Nam to study must have a written consent by the Vietnamese schools or educational institutions; foreigners who engage in religious, journalistic, medical or educational activities must obtain permission from competent authorities. Foreigners who are residing lawfully in Viet Nam can combine tourism, visiting relatives, medical treatment without having to ask for permission.

- Foreigners' activities in Viet Nam must be in accordant with the purposes of their entry.

6.2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân dự kiến liên hệ khi vào Việt Nam?

Agency/Organization/Individual that the applicant plans to contact when entering Viet Nam

Có ☐ Không ☐

Yes No

Nếu “Có” hãy khai chi tiết:.....

If “Yes” please specify in details

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân <i>Agency/Organization/Individual</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số điện thoại <i>Telephone number</i>	Mục đích <i>Purpose of contact</i>

6.3. Thời gian dự định cư trú:

Intended duration of stay

6.4. Ngày dự định nhập cảnh:

Intended date of entry (dd/mm/yyyy)

6.5. Cửa khẩu dự kiến nhập cảnh:

Intended border gate of entry

6.6. Cửa khẩu dự kiến xuất cảnh:

Intended border gate of exit

6.7. Địa chỉ cư trú tại Việt Nam:

Residential address in Viet Nam

6.8. Số điện thoại liên hệ tại Việt Nam:

Contact telephone number in Viet Nam

Cam đoan thực hiện việc khai báo tạm trú theo quy định ☐

Committed to declare temporary residence according to the provisions of Vietnamese laws

6.9. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có từng đến Việt Nam trong 01 năm trở lại đây không:

Have you been to Viet Nam in the last 01 year?

Có ☐ Không ☐

Yes No

Nếu “Có” hãy khai chi tiết chuyến đi.

If “Yes” please specify in details.

Thời gian cư trú <i>Duration of stay</i> (từ ngày: / / đến ngày: / /) <i>From (dd/mm/yyyy): to (dd/mm/yyyy):</i>	Mục đích chuyến đi <i>Trip's purpose</i>
--	---

6.10. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có người thân đang ở Việt Nam hay không? <i>Do you have relatives who currently reside in Viet Nam?</i> Có ☐ Không ☐ Yes ☐ No ☐ Nếu “Có” hãy khai cụ thể thông tin người thân (phạm vi người thân gồm: Ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ... của người đề nghị cấp thị thực điện tử) <i>If “Yes” please specify the relatives’ information (relatives include: grandparents, father, mother, husband, wife, children, brothers, sisters... of the applicant)</i> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%;">Họ và tên <i>Full name</i></th> <th style="width: 20%;">Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i></th> <th style="width: 20%;">Quốc tịch <i>Nationality</i></th> <th style="width: 20%;">Quan hệ <i>Relationship</i></th> <th style="width: 20%;">Địa chỉ cư trú tại Việt Nam <i>Residential address in Viet Nam</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table>		Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Quan hệ <i>Relationship</i>	Địa chỉ cư trú tại Việt Nam <i>Residential address in Viet Nam</i>																				
Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Quan hệ <i>Relationship</i>	Địa chỉ cư trú tại Việt Nam <i>Residential address in Viet Nam</i>																						

7. Trẻ em dưới 14 tuổi được cấp chung hộ chiếu đề nghị được cấp cùng thị thực điện tử (nếu có):

Accompany child(ren) under 14 years old who are issued with the same passport request to be issued the same e-Visa (if any):

Lưu ý: Không đề nghị cấp thị thực điện tử cho trẻ em được cấp chung hộ chiếu nếu trẻ em đó đã được cấp hộ chiếu riêng.

Note: Do not request e-Visa issuance for the child(ren) who are issued with the same passport if he/she has his/her own passport.

STT <i>No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Ảnh <i>Photo</i>
				(ảnh mới chụp, kích cỡ ảnh 4cm x 6cm, định dạng jpg, jpeg, kích thước ≤ 2 MB, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng) (recent photo, size 4cm x 6cm, jpg/jpeg format, file size ≤ 2 MB, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes, white background)

8. KINH PHÍ, BẢO HIỂM CHUYẾN ĐI *TRIP'S EXPENSES, INSURANCE*

8.1. Kinh phí dự tính (theo đơn vị đô la Mỹ):.....USD
Intended expenses (in USD)

8.2. Ai là người đảm bảo kinh phí chuyến đi cho người đề nghị cấp thị thực điện tử:
Who will cover the trip's expenses of the applicant

a) Người đề nghị cấp thị thực điện tử tự túc kinh phí cho chuyến đi ☐ <i>The applicant</i> Nếu chọn phương án này, đề nghị cho biết hình thức chi trả cụ thể: <i>If selecting this option, please specify</i> Tiền mặt ☐ <i>Cash</i> Thẻ thanh toán quốc tế ☐ <i>Credit card</i> Séc du lịch ☐ <i>Traveller's cheques</i>	b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đảm bảo kinh phí cho chuyến đi ☐ <i>Other agency/organization/individual</i> Nếu chọn phương án này, đề nghị cho biết các thông tin cụ thể: <i>If choosing this option, please specify</i> - Tên Cơ quan, tổ chức, cá nhân: <i>Name of the agency/organization/individual:</i> - Địa chỉ: <i>Address</i> - Số điện thoại: <i>Telephone number</i> - Hình thức chi trả cho chuyến đi: <i>Payment method</i> Tiền mặt ☐ <i>Cash</i> Thẻ thanh toán quốc tế ☐ <i>Credit card</i>
8.3. Người đề nghị cấp thị thực điện tử đã mua bảo hiểm cho chuyến đi đến Việt Nam chưa? <i>Does the applicant have health insurance arranged for their stay in Viet Nam?</i>	
Có ☐ <i>Yes</i> Thông tin cụ thể: <i>Please specify</i> 	Không ☐ <i>No</i>

9. THÔNG TIN CƠ QUAN, TỔ CHỨC TẠI VIỆT NAM ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ (NẾU CÓ)
INFORMATION OF VIET NAM AGENCY/ORGANIZATION REQUESTING E-VISA (IF ANY)

9.1. Tên cơ quan, tổ chức: <i>Name of agency/organization</i>	
9.2. Địa chỉ: <i>Address</i>	
9.3. Số điện thoại: <i>Telephone number</i>	9.4. Địa chỉ email: <i>Email address:</i>
9.5 Người đại diện theo pháp luật: <i>Legal representative</i> Họ và tên: <i>Full name</i> Sinh ngày: <i>Date of birth</i> Quốc tịch: <i>Nationality</i> Giới tính: <i>Sex</i> Số điện thoại: <i>Telephone number</i>	

Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số: <i>Citizen identity card/ Identity card/Passport number</i> Ngày cấp: <i>Date of issue (dd/mm/yyyy)</i> Nơi cấp: <i>Place of issue</i> Địa chỉ thường trú: <i>Permanent Residential address</i> Địa chỉ liên lạc: <i>Contact address</i>
9.6. Mục đích đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài: <i>Purpose of requesting for e-Visa issuance for foreigner</i> Làm việc với cơ quan, tổ chức ☐ <i>Working with the agency/organization</i> Tổ chức chương trình du lịch ☐ <i>Organizing tourist program</i> Khác ☐ <i>Others</i> Nếu chọn “Khác” đề nghị nêu cụ thể:..... <i>If “Others”, please specify</i>

10. CAM ĐOAN COMMITMENT

10.1. Dành cho cá nhân người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử <i>For foreigners applying for e-Visa</i> Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về những thông tin đã cung cấp để đề nghị cấp thị thực điện tử của Việt Nam và nhận thức được rằng phí cấp thị thực điện tử sẽ không được hoàn trả nếu đơn xin cấp thị thực điện tử bị từ chối. <i>I hereby declare that the above statements are true, accurate and I am fully responsible before the Vietnamese laws for the information provided to apply for an e-Visa of Viet Nam and I am aware that the application fee is not refunded if the application for e-Visa of Viet Nam is denied.</i>	☐
10.2. Dành cho cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam <i>For agency/organization requesting for e-Visa issuance for foreigner to enter Viet Nam</i> Cơ quan, tổ chức có tên tại mục 9 xin cam đoan những thông tin để đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nêu trên là đúng sự thật, chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về những thông tin đã cung cấp để đề nghị cấp thị thực điện tử của Việt Nam cho người nước ngoài. <i>The agency/organization named in Section 9 hereby declare that the information given above regarding e-Visa application for foreigner is true, accurate and we are fully responsible before Vietnamese laws for the information provided to apply for an e-Visa of Viet Nam for foreigner.</i>	☐

ĐỊA ĐIỂM, NGÀY THÁNG NĂM ĐỀ NGHỊ: PLACE, DATE OF REQUEST

ĐỊA ĐIỂM ĐỀ NGHỊ
PLACE OF REQUEST
 Làm tại (quốc gia/vùng lãnh thổ):
Done at (country/territory)

NGÀY, THÁNG, NĂM ĐỀ NGHỊ
DATE OF REQUEST (dd/mm/yyyy)
/...../.....

Ghi chú/Notes:

(1) Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2025): “Trên lãnh thổ Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”. Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2025), công dân Việt Nam có nghĩa vụ: “Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh.”.

According to the provisions of Law on Vietnamese Nationality 2008 (amended and supplemented in 2014 and 2025) “Within the territory of Vietnam, the State of the Socialist Republic of Vietnam only recognizes Vietnamese nationality for Vietnamese citizens who also hold foreign nationality in relation to the competent authorities of Vietnam, except in cases where international treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a party provide otherwise.”. According to the provisions of Law on entry and exit of Vietnamese citizens 2019 (amended and supplemented in 2023 and 2025), Vietnamese citizens have obligations: “Use entry and exit documents issued by competent agencies of Vietnam to make entry and exit.”.